

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT,

E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp đạt/không đạt:
BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THEO PHƯƠNG PHÁP “ĐẠT”, “KHÔNG ĐẠT”

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| 1.1. Mức độ đáp ứng về yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng sử dụng cho công trình (Các loại vật liệu chủ yếu: cát, đá 1x2, xi măng) | Có bảng kê đầy đủ đúng theo yêu cầu tại mục 3, chương V của E-HSMT. | Đạt |
| | Có đầy đủ hợp đồng nguyên tắc cung cấp các loại vật tư sử dụng cho công trình đang xét (Tài liệu chứng minh là bản gốc hoặc bản phô tô chứng thực của cơ quan thẩm quyền). - Nhà thầu cung cấp giấy đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị có ngành nghề cung cấp phù hợp với yêu cầu. | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 1.2. Đối với các yêu cầu về chất lượng, chủng loại, nguồn gốc của vật tư, vật liệu chính. | Nêu rõ và đầy đủ đặc tính kỹ thuật, chất lượng, chủng loại, nguồn gốc của vật tư, vật liệu chính. Nhà thầu có cam kết cung cấp CO,CQ của vật tư, vật liệu chính sau khi trúng thầu. | Đạt |
| | Không rõ hoặc không đầy đủ đặc tính kỹ thuật, chất lượng, chủng loại, nguồn gốc của vật tư, vật liệu chính. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | Không đạt |

2. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Văn phòng làm việc, lán trại công nhân, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. (Bản vẽ mặt bằng bố trí công trình tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải). | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. - Tổng mặt bằng thi công xây dựng: Có Sơ đồ tổ chức hiện trường và bản vẽ bố trí mặt bằng công trường (mặt bằng công trình xây dựng; vị trí bãi tập kết vật tư; mặt bằng bố trí thiết bị thi công; cấp thoát nước phục vụ thi công; cấp điện phục vụ thi công; vị trí bố trí nhà tạm thi công; Phòng thí nghiệm nếu có; chất thải, biển báo,...) hợp lý, phù hợp đặc điểm và vị trí xây dựng cụ thể của công trình, đáp ứng yêu cầu theo hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 2.2. Giải pháp thi công công trình Yêu cầu nhà thầu | - Có thuyết minh hợp lý về trình tự, giải pháp tổ chức thi công tất cả các hạng mục của công trình phù hợp với chỉ dẫn kỹ thuật thi công và | Đạt |

| | | |
|---|---|-------------------------|
| <p>nêu rõ giải pháp kỹ thuật từng hạng mục công trình riêng biệt.</p> <p>Theo yêu cầu thiết kế, khối lượng mời thầu và quy mô công trình, yêu cầu tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. Giải pháp kỹ thuật phải phù hợp với máy móc thiết bị sử dụng và tuân thủ quy trình quy phạm hiện hành.</p> | <p>hồ sơ thiết kế, hiện trạng của công trình.</p> | <p>Không đạt</p> |
| | <p>Giải pháp kỹ thuật không chi tiết, không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Giải pháp nêu chung chung sơ sài và không cụ thể cho từng hạng mục, công việc</p> | |
| <p>2.3. Giải pháp thi công dọn dẹp vệ sinh và hoàn trả mặt bằng (Phù hợp với máy móc thiết bị sử dụng và tuân thủ quy trình quy phạm hiện hành)</p> | <p>Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>Kết luận</p> | <p>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</p> | <p>Không đạt</p> |

3. Biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| <p>3.1. Bảo đảm giao thông: Có phương án thi công bảo đảm an toàn giao thông</p> | <p>Có đề xuất biện pháp đảm bảo giao thông trên tuyến thi công hợp lý, rõ ràng, có tính khả thi trong quá trình thi công và phù hợp với thực tế hiện trạng trên công trình</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Không đáp ứng yêu cầu trên.</p> | <p>Không đạt</p> |

| | | |
|--|---|---------------------|
| <p>3.2. Tổ chức thi công chủ đạo, công tác chuẩn bị mặt bằng, công tác định vị thi công, sơ đồ tổ chức bộ máy thi công</p> | <p>Có đề xuất biện pháp tổ chức theo yêu cầu. Thuyết minh chi tiết phù hợp với sơ đồ và hiện trạng công trình</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu, sơ sài, không cụ thể đối với công trình đang xét.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>3.3. Biện pháp thi công thi công tất cả các hạng mục của công trình theo hồ sơ thiết kế đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật (Bám sát nội dung khối lượng mời thầu và quy mô công trình chương V, phù hợp với máy móc thiết bị sử dụng và tuân thủ quy trình quy phạm hiện hành).</p> | <p>- Có thuyết minh biện pháp thi công tất cả các hạng mục của công trình theo hồ sơ thiết kế đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật được đánh giá là phù hợp với quy mô thiết kế, tiến độ, điều kiện công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. - Có viện dẫn Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng; - Có bản vẽ biện pháp thi công đối với từng công việc và phù hợp với thuyết minh đề xuất kỹ thuật.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>- Không có thuyết minh biện pháp tổ chức thi công tất cả các hạng mục của công trình theo hồ sơ thiết kế đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật được đánh giá là phù hợp với quy mô thiết kế, tiến độ, điều kiện công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. - Không viện dẫn Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng; - Không có bản vẽ biện pháp thi công đối với từng công việc và phù hợp với thuyết minh đề xuất kỹ thuật. Đầy đủ các nội dung yêu cầu nhưng có nội dung chưa được hợp lý và chưa khả thi hoặc Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>Kết luận</p> | <p>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</p> | <p>Không</p> |

| | | |
|--|--|------------|
| | | đạt |
|--|--|------------|

4. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 4.1. Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá yêu cầu của E-HSMT có tính đến điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công. | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá yêu cầu của E-HSMT ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá thời gian qui định trong E-HSMT. | Không đạt |
| 4.2. Tính phù hợp: a Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công c, Giữa bố trí vật tư, vật liệu và tiến độ thi công. d, Giữa bố trí nhân sự với tiến độ thi công | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a, b,c và d. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 4.3. Biểu tiến độ thi công (Bảng tiến độ tổng thể và chi tiết các hạng mục, biểu đồ huy động nhân sự, biểu đồ huy động thiết bị, biểu đồ huy động vật tư) hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng | Có Biểu tiến độ thi công chi tiết tổng thể và cụ thể cho từng hạng mục công việc hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT. | Đạt |
| | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT. | Không đạt |

| | | |
|--------------------|--|------------------|
| yêu cầu của E-HSMT | | |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | Không đạt |

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| 5.1 Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không đáp ứng yêu cầu. | Không đạt |
| 5.2 Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công: a) Sơ đồ quản lý chất lượng; b) Quản lý chất lượng cho từng công tác thi công thuộc gói thầu; c) Quy trình quản lý chất lượng cho từng hạng mục thi công và có biện pháp sửa chữa khi có hư hỏng d) Biện pháp bảo | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 4 nội dung a), b), c), và d). | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công và đề xuất không đủ 4 nội dung a), b), c), và d). | Không đạt |

| | | |
|---|--|------------------|
| quản chất lượng, vật liệu, thiết bị công trình khi mưa bão; | | |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | Không đạt |

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 6.1. An toàn lao động | | |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và E-HSMT: | Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT và Quy định hiện hành. | Đạt |
| <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; - Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công phù hợp với tính chất công việc thực hiện. - An toàn giao thông ra vào công trường; | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không đầy đủ theo quy định. | Không đạt |

| | | |
|--|--|------------------|
| <p>- Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề; Bảo vệ các công trình hạ tầng trong khu vực xung quanh;</p> <p>- An toàn cho người lao động và người làm việc trong khu vực xung quanh công trường.</p> | | |
| <p>6.2. Phòng cháy, chữa cháy</p> | | |
| <p>Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và E-HSMT</p> | <p>Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT.</p> | <p>Đạt</p> |
| <p>Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và E-HSMT</p> | <p>Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>6.3. Vệ sinh môi trường</p> | | |
| <p>Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> | <p>Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT.</p> <p>- Biện pháp xử lý vật liệu chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù</p> | <p>Đạt</p> |

| | | |
|----------|--|-----------|
| | hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT và quy định hiện hành. | |
| | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | Không đạt |

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| 7.1. Bảo hành | | |
| Thời gian bảo hành kỹ thuật 12 tháng | Có đề xuất thời gian bảo hành kỹ thuật lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. | Đạt |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành kỹ thuật nhỏ hơn 12 tháng. | Không đạt |
| 7.2. Uy tín của nhà thầu | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) và thực hiện | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không có gói thầu nào tham dự thầu mà không tiến hành thương thảo hợp đồng, - Không có gói thầu nào có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. - Không có hợp đồng chậm tiến độ bị chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng. - Không có hợp đồng bỏ dở do lỗi của nhà thầu. - Nhà thầu không bị chủ đầu tư/bên mời thầu hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc | Đạt |

| | | |
|--|--|------------------|
| các hợp đồng trương tực trước đó trong vòng 05 năm trở lại đây. | ra thông báo nhà thầu có hành vi gian lận cung cấp thông tin không trung thực trong đấu thầu theo Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15. - Nhà thầu cam kết không vi phạm tại Điều 20, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025. | |
| | - Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | Không đạt |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.